

CÂU HỎI ĐỊNH HƯỚNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I

MÔN: ĐỊA LÍ – KHỐI 10

A. PHẦN LÝ THUYẾT

Câu 1. Thủy quyển là gì? Trình bày vòng tuần hoàn nhỏ và vòng tuần hoàn lớn của nước trên Trái Đất?

Hướng dẫn:

Thủy quyển là lớp nước bao quanh Trái Đất bao gồm nước trong biển, nước trên lục địa và hơi nước trong khí quyển.

*** Vòng tuần hoàn nhỏ:** Nước biển bốc hơi lên tạo thành mây và mưa, mưa lại rơi xuống biển

*** Vòng tuần hoàn lớn**

Nước biển bốc hơi lên cao tạo thành mây, rơi mưa xuống biển. Mây được gió đưa vào sâu lục địa rồi gặp lạnh tạo thành mưa (dạng nước, tuyết rơi).

- Nước rơi xuống lục địa:

- + Một phần bốc hơi ngay. Một phần thấm qua các tầng đá thấm nước tạo thành nước ngầm.
- + Một phần tạo thành nước trên mặt như ao, hồ, sông, suối.
- + Các dòng chảy ngầm và trên mặt, cuối cùng lại đưa nước về biển và đại dương.

Câu 2. Trình bày các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông.

Hướng dẫn:

a) Chế độ mưa, băng tuyết và nước ngầm

- Vùng khí hậu nóng hoặc vùng thấp khí hậu ôn đới, sông được tiếp nước chủ yếu do mưa. Chế độ sông phụ thuộc chế độ mưa. Mùa lũ trùng mùa mưa.

- Vùng ôn đới lạnh, sông được tiếp nước chủ yếu do băng tuyết tan. Mùa xuân sông đầy nước.

- Ở những vùng đất, đá thấm nước nhiều, nước ngầm có vai trò đáng kể trong việc điều hòa chế độ nước của sông.

b) Địa thế, thực vật và hồ đầm

- Địa thế: miền núi sông chảy nhanh. Đồng bằng sông chảy chậm.

- Thực vật: đặc biệt là rừng có tác dụng điều hòa dòng chảy, giảm lũ lụt.

- Hồ đầm: có tác dụng điều hòa dòng chảy rất lớn.

Câu 3. Hãy cho biết khái niệm sóng biển và nguyên nhân chủ yếu gây nên sóng biển.

Hướng dẫn:

- Khái niệm: Sóng biển là hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng.

- Nguyên nhân chủ yếu là do gió.

Câu 4. Hãy cho biết khái niệm thủy triều và nguyên nhân gây nên thủy triều.

Hướng dẫn:

- Khái niệm: Thủy triều là hiện tượng dao động thường xuyên, có chu kỳ của các khối nước trong các biển và đại dương.

- Nguyên nhân: Do ảnh hưởng sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời.

+ Khi mặt trăng, mặt trời, trái đất cùng nằm 1 hàng thì dao động thủy triều lớn nhất.

+ Khi mặt trăng, TĐ và mặt trời ở vị trí vuông góc thì dao động thủy triều thấp nhất.

Câu 5. Trình bày khái niệm thổ nhưỡng quyển và độ phì.

Hướng dẫn:

- Thổ nhưỡng quyển còn gọi (lớp phủ thổ nhưỡng) bao quanh Trái Đất, là lớp vật chất tối xốp ở bề mặt lục địa, được đặc trưng bởi độ phì.

- Độ phì đất là khả năng cung cấp nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho thực vật sinh trưởng và phát triển.

Câu 6. Sinh quyển là gì? Hãy cho biết chiều dày và giới hạn của sinh quyển.

Hướng dẫn:

- Sinh quyển là lớp sinh vật bao quanh Trái Đất bao gồm động vật, thực vật và vi sinh vật.
 - Chiều dày của sinh quyển phụ thuộc vào giới hạn phân bố của sinh vật.
 - Giới hạn của sinh quyển, gồm:
 - + Giới hạn phía trên là nơi tiếp giáp lớp ô dôn của khí quyển (22 km).
 - + Giới hạn phía dưới xuống tận đáy đại dương (sâu nhất > 11 km); ở lục địa xuống tới đáy của lớp vỏ phong hóa.
- Như vậy, giới hạn sinh quyển gồm toàn bộ thủy quyển, phần thấp của khí quyển, lớp phủ thổ nhưỡng và lớp vỏ phong hoá.

Câu 7. Nêu khái niệm và nguyên nhân quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.

Hướng dẫn:

Khái niệm: Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí là quy luật về mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các thành phần và của mỗi bộ phận của lớp vỏ địa lí.

Nguyên nhân: Các thành phần của lớp vỏ địa lí đều đồng thời chịu tác động của nội lực và ngoại lực nên chúng không tồn tại và phát triển cô lập; chúng luôn xâm nhập vào nhau, trao đổi vật chất và năng lượng với nhau khiến chúng có sự gắn bó mật thiết để tạo nên một thể thống nhất và hoàn chỉnh.

Câu 8. Trình bày và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí. Hãy cho ví dụ để làm rõ biểu hiện của quy luật này.

Hướng dẫn:

- Biểu hiện: Một thành phần tự nhiên thay đổi, các thành phần khác cũng thay đổi và toàn bộ lãnh thổ thay đổi.
- Ý nghĩa thực tiễn: Khi con người tác động vào tự nhiên phải nghiên cứu kĩ lưỡng và toàn diện các điều kiện địa lí, nếu không sẽ dẫn đến những hậu quả không lường.
- Ví dụ: Khi con người phá rừng (Tác động tới sinh quyển).
 - ⇒ Đất đai bị xói mòn (Thổ nhưỡng quyển thay đổi).
 - ⇒ Địa hình bị sạt lở (Thạch quyển thay đổi). ⇒ Lũ lụt gia tăng (Thủy quyển thay đổi).
 - ⇒ Thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường (Khí quyển thay đổi).
 - ⇒ Cảnh quan thiên nhiên xanh tươi sẽ trở nên hoang tàn (Toàn bộ lãnh thổ thay đổi).

Câu 9. Trình bày Khái niệm và nguyên nhân của quy luật địa đới.

Hướng dẫn:

Khái niệm: Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của các thành phần tự nhiên và cảnh quan tự nhiên theo vĩ độ (từ Xích Đạo đến cực).

Nguyên nhân: Trái Đất hình cầu và bức xạ Mặt Trời. (góc nhập xạ).

Câu 10. Trình bày khái niệm và nguyên nhân của quy luật phi địa đới.

Hướng dẫn:

Khái niệm: Quy luật phi địa đới là quy luật phân bố không phụ thuộc vào tính chất phân bố theo địa đới của các thành phần tự nhiên và cảnh quan tự nhiên.

Nguyên nhân: Năng lượng bên trong Trái Đất (tạo ra sự phân chia bề mặt Trái Đất thành lục địa – đại dương, địa hình núi cao).

Câu 11. Trình bày khái niệm, đặc điểm của đô thị hóa cùng những ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

Hướng dẫn:

a) Khái niệm đô thị hóa:

Đô thị hóa là một quá trình kinh tế - xã hội với các biểu hiện

- Tăng nhanh số lượng và quy mô các điểm dân cư đô thị.
- Dân cư tập trung vào các thành phố nhất là các thành phố lớn, cực lớn.
- Phổ biến rộng rãi lối sống thành thị.

b) Đặc điểm:

- Dân cư thành thị có xu hướng tăng nhanh.
- Dân cư tập trung vào các thành phố lớn, cực lớn.
- Phổ biến rộng rãi lối sống thành thị.

c) Ảnh hưởng của đô thị hóa đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường:

- Tích cực: phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, thay đổi phân bố dân cư và lao động, quá trình sinh, tử, hôn nhân,...
- Tiêu cực: Nạn thiếu việc làm ở thành phố, môi trường ô nhiễm nghiêm trọng, từ đó dẫn đến nhiều hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế - xã hội.

Câu 12: Phân tích hậu quả của gia tăng dân số nhanh đối với kinh tế, xã hội và môi trường:

- Về kinh tế: tạo gánh nặng cho nền kinh tế, hạn chế tốc độ phát triển kinh tế; bình quân thu nhập theo đầu người thấp.
- Về xã hội: tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm gia tăng; khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề y tế, giáo dục, giao thông; chất lượng cuộc sống khó được cải thiện...
- Về môi trường: tài nguyên thiên nhiên bị khai thác quá mức, bị cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm...

B. PHẦN THỰC HÀNH

- Vẽ biểu đồ tròn và nhận xét.